

# Văn hóa Đông Sơn ở Quảng Bình

## BỨC TRANH CÒN DANG DỠ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ BẢN ĐỊA

VĂN LA

**C**ó khoảng 500 di tích đã được biết đến của văn hoá Đông Sơn hiện tồn tại ở Việt Nam, từ biên giới của Việt Nam với Trung Quốc về phía Bắc; với Lào ở phía Tây và tỉnh Quảng Bình ở phía Nam. Trong đó bao gồm đủ các di tích khảo cổ tiêu biểu như các di chỉ cư trú; di tích mộ táng; di chỉ - di tích cư trú - mộ táng; di tích xưởng, di chỉ - di tích cư trú - xưởng; và nhiều nhất là các di tích tìm thấy hiện vật lẻ tẻ. Tỉnh phát hiện được nhiều di tích nhất là Thanh Hoá, với 80 địa điểm. Vùng đồng bằng sông Hồng có gần 130 di tích, trong đó một phần ba ở tỉnh Hà Tây. Ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình vùng sông Cả, địa phận cực Nam của văn hoá Đông Sơn, có tới 54 di tích.

Nhưng bức tranh Văn hóa Đông Sơn ở Quảng Bình đến nay tài liệu về thời đại kim khí (đồng thau và sơ kỳ sắt) ở Quảng Bình phát hiện được chưa nhiều, chưa có hệ thống. Do vậy, chưa có đủ tư liệu để dựng lại một bức tranh toàn cảnh phản ánh sự diễn tiến của quá trình tiến đến văn hóa Đông Sơn. Hay nói cách khác, thời kỳ tiền Đông Sơn trên đất Quảng Bình vẫn đang còn dang dở đòi hỏi phải tiếp tục điều tra, phát hiện thêm những di tích mới, mới có thể chấp nối, phục dựng được. Ngay cả đối với thời kỳ văn hóa Đông Sơn, nguồn tài liệu thu được cũng đang còn rời rạc, chủ yếu là những phát hiện tình cờ nên cũng chưa đủ cơ sở để tìm hiểu một cách toàn diện, thấu đáo. Tuy nhiên, với những gì đã biết, cũng có thể nhận thức được phần nào về diện mạo lịch sử - văn hóa của cư dân ở đây trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn, khi mà vùng này đã thực sự trở thành một bộ phận của nước Văn Lang.

Qua một số phát hiện khảo cổ, có thể nhận thấy cư dân cổ thời văn hóa Đông Sơn ở

Quảng Bình đã biết kế thừa, phát huy những thành tựu văn hóa của các thời kỳ trước trong điều kiện có nhiều tiến bộ kỹ thuật mới, nhất là kỹ thuật luyện kim để tiếp tục chinh phục tự nhiên, khai phá, mở rộng vùng đồng bằng, phát triển nghề nông và xây dựng những làng xóm định cư. Tại các địa bàn như Khương Hà, Cổ Giang, Quảng Lưu, Long Đại, Thanh Trạch,... các nhà Khảo cổ học vẫn thu được khá nhiều những chiếc rìu, bôn đá có hình dáng, đặc điểm giống như rìu, bôn đá thời hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí. Tuy chúng được phát hiện ngẫu nhiên, không nằm trong tầng văn hóa nhưng có thể xem đây là cơ sở để nói lên sự phát triển của giai đoạn văn hóa Đông Sơn là dựa trên cơ sở kế thừa những thành tựu văn hóa của các thời kỳ trước đó ở khu vực này. Đặc biệt, ở Quảng Bình còn tìm thấy những chiếc rìu đá lưỡi lệch có hình dáng giống như loại rìu đồng lưỡi xéo thời Đông Sơn nhưng kích thước bé hơn. Có thể loại rìu đá này là cội nguồn của rìu đồng lưỡi lệch nhưng cũng có thể nó là sản phẩm cùng thời với rìu đồng và mô phỏng theo hình dạng của rìu đồng.

Theo các báo cáo thì đến nay ở Quảng Bình chưa tìm thấy lưỡi cày đồng nhưng loại nông cụ này đã tìm thấy ở nhiều di tích cùng thời mà gần nhất là ở vùng Nam Đàn, Diễn Châu (Nghệ An). Chúng ta nghĩ rằng, trong cùng một trình độ văn hóa chung, lại ở gần nhau nên chắc chắn họ phải có những phương thức canh tác giống nhau. Hơn nữa, cư dân Quảng Bình lúc bấy giờ cũng đã đạt được những thành tựu cao trong kỹ thuật luyện kim, không có lý do gì họ lại không đúc được những lưỡi cày đồng như các nơi khác. Quan sát những lưỡi rìu xòe cân, vai ngang, họng bầu dục, rìa lưỡi gần tròn thu được ở Khương Hà, về hình dáng, chúng ta thấy nó rất giống

với lưỡi cày đã tìm thấy ở Rú Trăn và Đồng Mỏm (Nghệ An). Có thể đây là lưỡi cày đồng - nông cụ làm đất đích thực ở Quảng Bình?

Tại làng Vạc (Nghĩa Đàn - Nghệ An) đã tìm thấy 1 chiếc trống trên đó có khắc hình 8 con bò, 4 con đực và 4 con cái. Những con bò này đều có sừng cong và u nổi cao. Có thể đây là một trong những giống bò được nuôi phổ biến để kéo cày ở nước ta hồi bấy giờ. Bên cạnh lưỡi cày đồng thì những chiếc rìu, mai, dao, giáo đồng cũng góp phần không nhỏ vào việc khai phá đất hoang và canh tác nông nghiệp.

Sự tham gia của nông cụ bằng kim loại mà nền kinh tế nông nghiệp lúc đó có những bước phát triển mới. Diện tích canh tác không ngừng được mở rộng, năng suất lúa và các loại cây trồng khác cao hơn trước. Bên cạnh trồng trọt thì chăn nuôi và đánh cá cũng phát triển. Về chăn nuôi, ngoài trâu, bò, lợn, gà và các loại gia cầm khác, có khả năng người thời đó ở đây đã thuần dưỡng được voi như nhiều nơi khác trên đất nước ta.

Các nghề thủ công cũng phát triển song song với nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong lao động cũng như sinh hoạt của con người. Trong số các nghề thủ công lúc bấy giờ thì nghề luyện kim và chế tác công cụ bằng kim loại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Có thể nói cư dân thời kỳ văn hóa Đông Sơn ở Quảng Bình là chủ sở hữu một sưu tập đồ đồng với một trình độ kỹ thuật luyện kim khá cao, điều đó được phản ánh qua thực tế những hiện vật thu được tại nhiều địa điểm ở khu vực này. Nhìn vào những chiếc rìu đồng lưỡi xéo hay xòe cân, những lưỡi giáo, dao, cán dao găm, thố đồng,... và đặc biệt là trống đồng Phù Lưu, nếu không có chú thích thì khó phân biệt với những hiện vật cùng loại của văn hóa Đông Sơn đã phát hiện được ở khu vực Nghệ - Tĩnh cùng nhiều nơi khác, kể cả hình dáng, chất liệu lẫn hoa văn trang trí.

Kỹ thuật đúc đồng có thể đã có từ trước đó mà dấu tích của đồng đã được phát hiện ở di chỉ Cồn Nền, nhưng đến thời kỳ này mới thực sự đạt tới đỉnh cao. Khuôn đúc rìu đồng lưỡi xéo tìm thấy ở Hợp Hóa (Tuyên Hóa) có hai mảnh làm bằng loại đá cát (sa thạch) là một trong những chiếc khuôn đẹp nhất ở nước ta lâu nay được phát hiện. Trình độ làm khuôn

khá cao, mặt giáp khuôn rất phẳng, trong khuôn có đủ đục rót và lỗ thông hơi, bên ngoài khuôn có những vết khắc lõm đánh dấu để khi ghép 2 mang khuôn khỏi bị lệch. Mặc dù, chưa tìm thấy vết tích mỏ và khu vực luyện kim đồng thau ở Quảng Bình, nhưng sự có mặt của khuôn đúc, dù là ngẫu nhiên, đó là cơ sở để thấy rằng, có thể một số rìu đồng, đồ đồng Đông Sơn ở đây được đúc tại chỗ.

Công việc luyện kim và đúc đồng đòi hỏi phải có trình độ tổ chức và kỹ thuật cao, nhất là đối với những hiện vật có giá trị như trống Phù Lưu, thố Thanh Trạch. Nếu không tổ chức phân công lao động hợp lý và không đạt đến kỹ nghệ thì không thể đúc được những hiện vật này. Muốn đúc được những chiếc trống đồng loại I với dáng to, cân đối, các đường nét hoa văn trang trí tinh vi, cầu kỳ như trống Phù Lưu đòi hỏi phải có nhiều lò nấu đồng và một lực lượng lao động đông đảo, được phân công chu đáo từng khâu, từng việc và thao tác hợp đồng rất chặt chẽ. Như vậy, nghề luyện kim lúc bấy giờ chắc chắn phải là một ngành sản xuất độc lập, tách ra khỏi nông nghiệp và có sự chuyên hóa, có kinh nghiệm. Cũng nhờ kỹ thuật luyện kim đồng thau đạt tới đỉnh cao mà nghề luyện sắt cũng ra đời và ngày càng hoàn thiện.

Đến nay, chưa tìm thấy di tích lò luyện sắt thuộc thời Đông Sơn trên đất Quảng Bình nhưng di vật sắt thì đã phát hiện được ở Xóm Thâm, Vĩnh Trung. Có hiện tượng đó có thể là do hạn chế của việc điều tra, chưa được đầu tư nhiều cho việc khảo tìm loại di tích này; hơn nữa đồ sắt cũng dễ bị thiên nhiên hủy hoại hơn đồ đồng. Trong văn hóa Đông Sơn, khối lượng đồ đồng thu được thường chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với đồ sắt, điều này cũng được phản ánh rất rõ ở Quảng Bình. Đồ sắt tìm được còn ít, nhưng sắt cũng là thứ nguyên liệu quan trọng nhất trong tất cả các nguyên liệu đã đóng một vai trò cách mạng trong lịch sử.

Do nhu cầu của cuộc sống đòi hỏi và dưới tác động trực tiếp của kỹ thuật luyện kim mà các ngành nghề thủ công khác như làm đồ gốm, đồ gỗ, đan lát, dệt vải, làm đồ trang sức,... đều phát triển mạnh mẽ. Riêng nghề chế tác công cụ đá thời kỳ đầu vẫn còn tiếp tục tồn tại, nhưng sau khi công cụ đồng và sắt

phổ biến, thì sản phẩm của nghề này chính là đồ trang sức. Trong các địa điểm văn hóa Đông Sơn ở Quảng Bình, chúng ta thường gặp những hạt chuỗi và vòng tay bằng đá quý bên cạnh những vòng tay, vòng nhẫn bằng đồng.

Trên đất Quảng Bình đã tìm được khá nhiều đồ trang sức bằng thủy tinh với các loại như vòng tay, hạt chuỗi và khuyên tai có mẫu. Có ý kiến cho rằng nghề chế tạo thủy tinh Đông Sơn có nguồn gốc hay ít nhất thì cũng chịu ảnh hưởng nghề thủy tinh của cư dân văn hóa Sa Huỳnh. Quan điểm này gần đây còn được đẩy xa hơn khi có ý kiến cho rằng có thể có những nhóm người Sa Huỳnh di cư lên phía Bắc tới chung sống với người Đông Sơn ở lưu vực sông Cả và chính họ là những người làm ra đồ thủy tinh của văn hóa Đông Sơn. Vì đồ thủy tinh Sa Huỳnh ra đời sớm hơn và phát triển mạnh mẽ hơn đồ thủy tinh Đông Sơn, hơn nữa đồ thủy tinh Đông Sơn chỉ có mặt ở các di tích muộn, phân bố ở phía Nam địa bàn cư trú của người Đông Sơn và về mặt loại hình đồ thủy tinh Đông Sơn cũng tương tự Sa Huỳnh, đó là các đồ trang sức như hạt chuỗi, vòng tay, vòng tai, đặc biệt là khuyên tai ba mẫu nhọn. Về màu sắc và thành phần hóa học, đồ thủy tinh Đông Sơn và Sa Huỳnh tương tự nhau. Hạt chuỗi thường có nhiều màu: trắng, nâu, vàng, lam, đỏ, tím,... vòng tai và vòng tay thường phổ biến loại màu xanh lá cây già và một ít màu xanh lơ, xanh lá mạ... Chất liệu chủ yếu được làm từ thủy tinh không có chì, thành phần chính ngoài ôxyt silic ( $\text{SiO}_2$ ) thì các mẫu đều có ôxyt kali ( $\text{K}_2\text{O}$ ) hay ôxyt natri ( $\text{Na}_2\text{O}$ ), tiếp đến là ôxyt canxi ( $\text{CaO}$ ), ôxyt nhôm ( $\text{Al}_2\text{O}_3$ ), ôxyt sắt ( $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ).

Quảng Bình là địa bàn phía Nam của văn hóa Đông Sơn, nơi có điều kiện giao lưu, tiếp xúc trực tiếp với văn hóa Sa Huỳnh nên nghề chế tạo thủy tinh có phần phát triển hơn các nơi khác cũng là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, so với các ngành nghề thủ công khác thì nghề thủy tinh ở đây cũng chỉ mới dừng lại ở mức chế tạo đồ trang sức, vai trò kinh tế chắc vẫn đang còn mờ nhạt.

Nhờ có kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, đặc biệt là nghề luyện kim mà đời sống vật chất của người cổ Quảng Bình thời đó không ngừng được nâng cao hơn trước. Cùng với những đổi thay về vật chất thì

đời sống tinh thần của họ cũng ngày càng phong phú hơn. Sự có mặt của các loại hình đồ trang sức bằng đá, bằng đồng và thủy tinh với những vòng khuyên tai, hạt chuỗi... là những bằng chứng ghi nhận điều đó. Hội họa và điêu khắc đã thực sự gắn bó với đời sống thường ngày của họ. Từ kiểu dáng những chiếc bình gốm, rìu đồng đến những đường nét, đồ án hoa văn trên thố đồng Bàu Khê, Thanh Trạch, những hình chim, hình thuyền, tượng cóc... trên trống đồng Phù Lưu đều đã phản ánh trình độ tư duy, khả năng mỹ cảm của con người ở đây không thua kém gì cư dân Đông Sơn sống ở các nơi khác trong cương vực của nước Văn Lang.

Nhờ có cuộc sống định cư, quản tụ đông đúc thành làng bản và dựa vào nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước mà đã tạo ra những tập tục có tính truyền thống của cộng đồng. Đó là tính thuần hậu, chất phác, thích đeo đồ trang sức, tục nhuộm răng, ăn trầu và gắn mình vào những sinh hoạt chung của tập thể, cộng đồng. Mọi người gắn bó, hợp quần cùng nhau, nhằm tạo nên sức mạnh tập thể để chiến thắng thiên tai, giặc dữ. Cũng chính sự gắn bó, hợp quần đó mà tinh làng, nghĩa nước ngày càng được củng cố, ý thức dân tộc dần dần được nảy sinh...

Cho đến nay nguồn tư liệu thu được còn ít, chưa đủ để phản ánh một cách toàn diện về cuộc sống phong phú và sinh động của cư dân cổ Quảng Bình trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn, nhưng qua những gì chúng ta đã biết thì cũng là cơ sở quan trọng để nhận thức được phần nào về diện mạo lịch sử của những con người ở đây thuở ấy. Chính qua lao động sáng tạo và quá trình hòa nhập, chuyển giao văn hóa với cư dân các vùng xung quanh, nhất là với vùng Nghệ - Tĩnh, mà cộng đồng người ở đây đã có những đóng góp xứng đáng vào việc xây dựng nên nền văn hóa Đông Sơn nổi tiếng của dân tộc. Tuy nhiên, cũng cần phải khẳng định rằng, do ở vị trí địa lý xa trung tâm và truyền thống văn hóa trước đó quy định nên bên cạnh những nét chung - biểu hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa Quảng Bình với quốc gia Văn Lang - thì ở đây vẫn có những sắc thái văn hóa địa phương. Sự giao lưu, tiếp xúc văn hóa trực tiếp và thường xuyên của cư dân cổ Quảng Bình với cư dân văn hóa Sa Huỳnh cũng đã góp phần tạo nên những bản sắc riêng.

V.L